

Cần Thơ, ngày tháng năm

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

NĂM HỌC 2018-2019

Tên học phần: Bào chế và sinh dược học 1

Mã học phần: 000429

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Thực hành: 1 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian: học kỳ 5

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	0	30	0	30 + 60 + 30 = 120

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Hóa dược**

Học phần học trước: **Thực hành Dược khoa Bào chế**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Bào chế – Công nghiệp dược

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Trình bày được định nghĩa, đặc điểm, ưu nhược điểm của các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc đồng thể.

MT2: Mô tả được thành phần cơ bản (hoạt chất, tá dược), nguyên tắc bào chế và các trang thiết bị sử dụng cho mỗi dạng bào chế này.

MT3: Nêu được các yêu cầu chất lượng của mỗi dạng bào chế.

• Về kỹ năng

MT4: Bào chế được các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc đồng thể.

MT5: Đánh giá được một số chỉ tiêu chất lượng chính của các dạng bào chế này.

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6: Xây dựng được kế hoạch chuyên môn, lập được kế hoạch quản lý, điều phối, cải tiến, phát triển các hoạt động chuyên môn hợp lý với thực tiễn trong lĩnh vực dược.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT										
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11
000429	Bào chế và sinh dược học 1	0	2	0	2	0	2	1	0	0	0	0
		PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	PO20	PO21	
		2	1	0	0	0	0	0	0	0	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được định nghĩa, đặc điểm, ưu nhược điểm của các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc đồng thể.	PO2, PO4, PO6
MT2	CO2	Mô tả được thành phần cơ bản (hoạt chất, tá dược), nguyên tắc bào chế và các trang thiết bị sử dụng cho mỗi dạng bào chế này.	PO2, PO4, PO6
MT3	CO3	Nêu được các yêu cầu chất lượng của mỗi dạng bào chế.	PO2, PO4, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Bào chế được các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc đồng thể.	PO7, PO12, PO13
MT5	CO5	Đánh giá được một số chỉ tiêu chất lượng chính của các dạng bào chế này.	PO7, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Xây dựng được kế hoạch chuyên môn, lập được kế hoạch quản lý, điều phối, cải tiến, phát triển các hoạt động chuyên môn hợp lý với thực tiễn trong lĩnh vực dược.	PO21

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Bào chế và sinh dược học 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: dung dịch thuốc uống và thuốc dùng ngoài, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, cao thuốc, cồn thuốc.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
--	----------	---------------------

Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3,
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3
Thực hành	Giúp sinh viên hiểu rõ, rèn luyện các kỹ năng và biết vận dụng các nội dung môn học	CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

- Lý thuyết

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO1, CO2, CO3	10
2	Thường xuyên	30	* Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể) * Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc HP	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi:..... + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.	CO1, CO2, CO3	10

- Thực hành:

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Điểm thực hành	100	Kiểm tra thực hành	CO4, CO5	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1]. Bào chế và sinh dược học 1, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Nam Cần Thơ

[2]. Thực tập bào chế và sinh dược học 1, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Nam Cần Thơ..

10.2. Tài liệu tham khảo

[3]. GS.TS Lê Quan Nghiệm, PGS.TS. Huỳnh Văn Hóa (chủ biên). Bào chế và sinh dược học, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.

[4]. Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Hùng (chủ biên), Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc. T1, NXB Y Học, 2016.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	<p>1. Đại cương về Bào chế và Sinh dược học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu và nội dung nghiên cứu của môn bào chế. - Những nét sơ lược lịch sử ngành bào chế. - Các khái niệm cơ bản hay dùng trong bào chế: dạng thuốc, dược chất, tá dược, thành phẩm, biệt dược khái niệm, mục tiêu của môn Sinh dược học (SDH). - Khái niệm sinh khả dụng (SKD), cách tính sinh khả dụng tuyệt đối, sinh khả dụng tương đối. - Các khái niệm tương đương dược học, tương đương sinh học. - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sinh khả dụng của thuốc, thuốc gốc. 	[1] Chương 1. Trang 4-21.	CO6
2-4	2. Dung dịch thuốc		

	<ul style="list-style-type: none"> - Sự hòa tan và kỹ thuật hòa tan hoàn toàn - Kỹ thuật lọc - Dung dịch thuốc - Siro thuốc - Nước thơm 	[1] Chương 2. Trang 22-64.	CO1, CO2, CO3
5-6	3. Thuốc tiêm		
	<ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa, phân loại của dạng thuốc, ưu nhược điểm đường sử dụng, sinh khả dụng và các yêu cầu của thuốc tiêm. - Các tiêu chuẩn nguyên phụ liệu, dung môi, trang thiết bị, nhà xưởng và nhân sự đáp ứng cho sản xuất thuốc tiêm. - Các thành phần cơ bản của thuốc tiêm và một số công thức thuốc tiêm cơ bản. 	[1] Chương 3. Trang 65-97	CO1, CO2, CO3
7	4. Thuốc nhỏ mắt		
	<ul style="list-style-type: none"> - Ưu nhược điểm của thuốc nhỏ mắt - Các yêu cầu về chính xác, trong suốt, tinh khiết trong kỹ thuật điều chế thuốc nhỏ mắt. - Ý nghĩa về yêu cầu đẳng trương và cách tính toán lượng chất đẳng trương hóa dùng trong thuốc nhỏ mắt. - Ý nghĩa của pH đối với thuốc nhỏ mắt. - Ý nghĩa vô khuẩn đối với thuốc nhỏ mắt. 	[1] Chương 4. Trang 98-111	CO1, CO2, CO3
8-10	5. Cách dạng thuốc bào chế từ kỹ thuật hòa tan chiết xuất		
	<ul style="list-style-type: none"> - Đại cương về hòa tan chiết xuất - Các phương pháp hòa tan chiết xuất - Cao thuốc và dịch chiết đậm đặc - Cồn thuốc và rượu thuốc 	[1] Chương 5. Trang 112 - 123	CO1, CO2, CO3
11	6. Điều chế siro đơn		
	<ul style="list-style-type: none"> - Công thức bào chế - Thông tin cần biết - Quy trình bào chế - Công dụng, cách dùng - Vẽ nhãn 	[2] Bài 1. Trang 24 -25	CO4, CO5
12	7. Siro ho Promethazin		

	<ul style="list-style-type: none"> - Công thức bào chế - Thông tin cần biết - Quy trình bào chế - Công dụng, cách dùng - Vẽ nhãn 	[2] Bài 2. Trang 26-27	CO4, CO5
	8. Dung dịch paracetamol		
	<ul style="list-style-type: none"> - Công thức bào chế - Thông tin cần biết - Quy trình bào chế - Công dụng, cách dùng - Vẽ nhãn 	[2] Bài 5. Trang 32-33	CO4, CO5
13	9. Pha cồn		
	<ul style="list-style-type: none"> - Công thức bào chế - Thông tin cần biết - Quy trình bào chế - Công dụng, cách dùng - Vẽ nhãn 	[2] Bài 3. Trang 28-29	CO4, CO5
14	10. Nước thơm bạc hà		
	<ul style="list-style-type: none"> - Công thức bào chế - Thông tin cần biết - Quy trình bào chế - Công dụng, cách dùng - Vẽ nhãn 	[2] Bài 4. Trang 30-31	CO4, CO5
15	11. Dung dịch dầu xoa		
	<ul style="list-style-type: none"> - Công thức bào chế - Thông tin cần biết - Quy trình bào chế - Công dụng, cách dùng - Vẽ nhãn 	[2] Bài 6. Trang 34-35	CO4, CO5
	12. Dung dịch Glyceroborat		
	<ul style="list-style-type: none"> - Công thức bào chế - Thông tin cần biết - Quy trình bào chế - Công dụng, cách dùng - Vẽ nhãn 	[2] Bài 7. Trang 36	CO4, CO5
16	13. Thuốc nhỏ mắt kẽm sulfat		
	<ul style="list-style-type: none"> - Công thức bào chế - Thông tin cần biết - Quy trình bào chế - Công dụng, cách dùng - Vẽ nhãn 	[2] Bài 8. Trang 37-38	CO4, CO5
	14. Thuốc nhỏ mắt Cloramphenicol		
	<ul style="list-style-type: none"> - Công thức bào chế - Thông tin cần biết - Quy trình bào chế - Công dụng, cách dùng - Vẽ nhãn 	[2] Bài 9. Trang 39-40	CO4, CO5

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng thí nghiệm có bảng lớn, đầy đủ hóa chất và dụng cụ thực hành.
- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Cần Thơ, ngày tháng năm
TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

Đã ký